

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tuyền

Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm: 1991;

Nơi đăng ký thường trú: số 95, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Nơi tạm trú: Nhà trọ T, số D11, ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Tạ Văn C, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: số 95, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà T có mặt, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Trần Thị Cẩm T trình bày:

Sau thời gian tự tìm hiểu khoảng 01 tháng, bà và ông C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình chồng chung tại xã Thuận Điền. Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm, nhưng đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, ông C không lo làm ăn, thậm chí còn chơi

cờ bạc gây nợ nần bà T phải trả nợ thay cho ông. Vì nguyên nhân đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông bà đã ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn và chung sống với nhau được nữa vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Tạ Văn C.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Tạ Thị Tuyết N, sinh ngày 23/10/2013 và Tạ Tuyết N, sinh ngày 18/01/2017. Hai con hiện đang sống với bà T. Hiện nay bà làm công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà T và ông C nhưng ông C vắng mặt và cũng không gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào nên không có lời trình bày của ông C.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: bà T thực hiện đúng, ông C thực hiện không đúng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T cụ thể, về hôn nhân: Cho bà T được ly hôn với ông C. Về Con chung: Bà T được nuôi 02 con, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện xin ly hôn với ông C. Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông C đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông C vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông C kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Ông bà Nều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn cho ông bà nhưng ông C vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông C. Xét thấy hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên tên Tạ Thị Tuyết N, sinh ngày 23/10/2013 và Tạ Tuyết N, sinh ngày 18/01/2017. Hai con hiện đang sống với bà T, để tránh gây xáo trộn ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý hai con nên giao 02 con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T cho rằng hàng tháng ông C cũng có về thăm và đưa tiền phụ nuôi hai con mỗi tháng khoảng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Bà cho rằng ông C hiện làm công nhân thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế của ông C. Bà T cũng không cung cấp thỏa thuận giữa hai ông bà về mức cấp dưỡng nuôi con. Do đó, không có cơ sở xác định mức thu nhập thực tế hiện nay của ông C. Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương cơ bản hiện nay là 1.390.000 đồng để buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con. Nếu sau này có lý do chính đáng thì bà T và ông C có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, nên không xem xét Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T là người khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Cẩm T, cụ thể:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm T được ly hôn với ông Tạ Văn C.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Cẩm T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Tạ Thị Tuyết N, sinh ngày 23/10/2013 và Tạ Tuyết N, sinh ngày 18/01/2017. Ông Tạ Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.390.000 (một triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng (mỗi con là 695.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Tạ Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Cẩm T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002069 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Án phí cấp dưỡng ông Tạ Văn C phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[5] Bà Trần Thị Cẩm T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tạ Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan